

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày: 03/6/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Nhữn;

2/ Ông Lý Quốc Truởn;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31a/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh L;

2/ Bị đơn: Ông Lê B 1, sinh năm: 1966;

Bà Lê Thị N, sinh năm: 1970;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh L;

(Ông B có mặt, ông B1 và bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/10/2020 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Lê Văn B, như sau:

Vào ngày 24/01/2020 ông Lê B1 và vợ là bà Lê Thị N có vay của ông số tiền 56.000.000đ. Hẹn đến ngày 24/4/2020 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền. Khi vay ông có làm biên nhận và ông B1 và bà N đã ký tên. Tuy nhiên khi đến hạn ông B1 và bà N không trả số tiền 56.000.000đ như thỏa thuận. Ông đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông B1 và bà N trả tiền, nhưng đến nay ông B1 và bà N vẫn chưa trả số tiền trên.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Lê B1 và bà Lê Thị N liên đới trả số tiền 56.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

3. Bị đơn, ông Lê B1 và bà Lê Thị N vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung tóm tắt của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 24/01/2020 ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu ông Lê B1 và bà Lê Thị N liên đới trả lại số tiền vay 56.000.000đ làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông B1 và bà N cư trú tại huyện Mộc Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê B1 và bà Lê Thị N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B1 và bà N.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Theo giấy biên nhận ngày 24/01/2020 thể hiện việc ông Lê B1 (có tên thường gọi Lê Thanh H) và bà Lê Thị N có vay của ông B số tiền 56.000.000đ. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hòa giải cho ông B1 và bà N. Tuy nhiên ông B1 và bà N không có đến tham dự các phiên hòa giải cũng như phiên tòa để đưa ra ý kiến gì, xét việc không có ý kiến phản đối gì của ông B1 và bà N, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó có căn cứ xác định ông B1 và bà N có vay ông B số tiền

56.000.000đ, nhưng chưa trả được khoản tiền nào. Nay ông B yêu cầu ông B1 và bà N trả số tiền 56.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận. Ông B không yêu cầu tính lãi suất, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.1]. Thời điểm vay tiền, ông B1 và bà N là vợ chồng đang chung sống; ông B thừa nhận ông B1 và bà N vay tiền để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông B1 và bà N, buộc ông B1 và bà N có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B1 và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đối với ông Lê B1 và bà Lê Thị N.

Buộc ông Lê B1 và bà Lê Thị N liên đới trả cho ông Lê Văn B số tiền vay 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn B, nếu chậm thi hành, ông Lê B1 và bà Lê Thị N còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê B1 và bà Lê Thị N phải liên đới chịu 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An; ;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng